TÒA ÁN NHÂN DÂN **HỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:218/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 12 - 2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

2. Ông Nguyễn Chí Lin

***Thư ký phiên tòa*:** Nguyễn Thị Kim Thoa - Thư ký Toà án nhân dân Hện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân Hện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 760/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 về *"Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2021/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 12 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ông Phạm Hữu Ph, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: 143/43 Ô 5 Khu B, thị trấn Hậu Nghĩa, Hện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thanh Th, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: TC 100/3 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 143/43 Ô 5 Khu B, thị trấn Hậu Nghĩa, Hện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2021 do nguyên đơn bà Phạm Hữu Ph trình bày như sau:

Về tình trạng hôn nhân: ông và bà Th trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 3 tháng và tiến đến hôn nhân vào năm 2005. Hai người không có đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức lễ cưới theo phong tục cổ truyền tại địa Ph. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu về sau thường xuyên phát sinh mâu

thuẫn do bà Th không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc chồng con, ông có kHên can nhưng bà Th không thay đổi tính tình. Ông và bà Th đã ly thân từ năm 2018 đến nay cả hai không có thiện chí hàn gắn. Nay ông kiên quyết xin được ly hôn với bà Th.

Về con chung: hai người có 01 con chung tên Phạm Gia H sinh ngày 17/9/2008. Khi ly hôn ông xin tiếp tục nuôi con không cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông Ph không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Trịnh Thị Thanh Th trình bày: Bà thống nhất về tình trạng hôn nhân giữa bà và ông Ph như ông Ph nêu là đúng. Bà đồng ý ly hôn. Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Gia H sinh ngày 17/9/2008, bà đồng ý để con cho ông Ph nuôi, bà không cấp dưỡng. Tài sản và nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà xin xét xử vắng mặt.

Ngoài ra bà không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hữu Ph nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: "*Ly hôn*" là những tranh chấp theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn bà Trịnh Thanh Th có mặt tại địa chỉ tại Ô 5, Khu B, thị trấn Hậu Nghĩa, Hện Đức Hòa, tỉnh Long An. Đồng thời giữa bà Th và ông Ph cũng có văn bản thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân Hện Đức Hòa giải quyết ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện Đức Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về tư cách tố tụng, phạm vi giải quyết.

Ông Phạm Hữu Ph khởi kiện được xác định là nguyên đơn, bà Trịnh Thanh Th được xác định là bị đơn. Tòa án chỉ xét xử trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn.

[1.3] Xét xử vắng mặt: Bà Phạm Hữu Ph và Trịnh Thanh Th có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các ông bà.

[1.4] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: ông Ph và bà Th xác định không có đăng ký kết hôn nhưng có chung sống với nhau như vợ chồng tại Ô 5 Khu B, thị trấn Hậu Nghĩa, Hện Đức Hòa, tỉnh Long An. Chứng cứ là giấy xác nhận tình trạng hôn nhân được Ủy ban nhân dân thị trấn Hậu Nghĩa xác nhận ngày 07/12/2021; bà Th và ông Ph xác

định có một con chung tên Phạm Gia H sinh ngày 17/9/2008 chứng cứ là giấy khai sinh.

Pháp luật được áp dụng: Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tình trạng hôn nhân: Xét hôn nhân giữa ông Ph và bà Th trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn nên không phù hợp Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Cuộc sống chung vợ chồng không hợp nhau do bà Th không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc chồng con nên phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2018 đến nay cả hai không có thiện chí hàn gắn. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Th và ông Ph đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên giữa ông bà không có đăng ký kết hôn nên không công nhận ông bà là quan hệ vợ chồng.

[2.2] Đối với con chung: ông Ph và bà Th có 01 con chung tên Phạm Gia H sinh ngày 17/9/2008 hiện do ông Ph nuôi và cháu Gia H có nguyện vọng sống với ông Ph. Ông Ph đồng ý nuôi con và không yêu cầu bà Th cấp dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử cần giao con cho ông Ph nuôi, ông Ph không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập xem xét.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Ông Ph và bà Th khai không có tài sản chung và nợ chung nên không đề cập xem xét.

[3] Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, ông Ph phải chịu án phí

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 39, Điều 40, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.*Về hôn nhân*: Không công nhận ông Phạm Hữu Ph và bà Trịnh Thị Th là quan hệ vợ chồng.

2.*Về con chung*: Ông Phạm Hữu Ph được tiếp tục nuôi con tên Phạm Gia H sinh ngày 19/7/2008, bà Th không cấp dưỡng vì ông Ph không yêu cầu. Vì quyền lợi của trẻ, bà Th được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai

có quyền ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản và nợ chung:* Không có không xem xét.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông Ph phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào Ngân sách nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do ông Ph nộp theo biên lai số 0009216 ngày 07/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự Hện Đức Hòa. Như vậy ông Ph đã nộp xong.

5. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mộng Thúy

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND Tỉnh Long An;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-UBND thị trấn Hậu Nghĩa;
-Chi cục THA huyện Đức Hòa;